

THƯƠNG LƯỢNG VỀ VIỆC RÚT ĐƠN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN GIỮA CHỦ NỢ VÀ DOANH NGHIỆP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN: BẤT CẬP VÀ GIẢI PHÁP

● NGUYỄN THỊ TÂM

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích một số bất cập trong việc rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản giữa chủ nợ và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán trong Luật Phá sản năm 2014, từ đó đề xuất giải pháp pháp lý nhằm góp phần hoàn thiện hơn hệ thống pháp lý về phá sản cũng như việc thương lượng rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản giữa chủ nợ và doanh nghiệp.

Từ khóa: Luật Phá sản 2014, virus Sars-Cov-2, khả năng thanh toán.

1. Đặt vấn đề

Trải qua gần 7 năm kể từ khi có hiệu lực, Luật Phá sản 2014 đã thể hiện được hiệu quả nhất định trong việc giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã (trong bài viết này gọi tắt là doanh nghiệp) mất khả năng thanh toán. Tính khoa học và phù hợp của Luật Phá sản 2014 là điều không thể phủ nhận. Một trong những quy định thể hiện sự nhân văn mà chúng ta có thể thấy đó là quy định về thời điểm mất khả năng toán làm phát sinh quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và mở ra cơ hội thương lượng của các chủ thể về việc rút đơn của các chủ nợ. Tuy nhiên, khi đi vào thực hiện các quy định này, đã bộc lộ những bất cập nhất định, nếu không muốn nói là không thể thực hiện được bởi ngay cả khi chủ nợ từ bỏ quyền nộp đơn thì

doanh nghiệp mất khả năng thanh toán cũng phải thực hiện nghĩa vụ nộp đơn theo quy định. Trong bài viết này, tác giả phân tích quy định về việc thương lượng rút đơn tại Điều 37 Luật Phá sản 2014 và đề xuất giải pháp pháp lý nhằm góp phần hoàn thiện hơn pháp luật về phá sản, đặt trong bối cảnh dịch bệnh do virus Sars-Cov-2 gây ra, làm gia tăng nguy cơ mất khả năng thanh toán của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

2. Cơ sở pháp lý cho việc thương lượng giữa chủ nợ và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán

Luật Phá sản 2014 quy định: “Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày đến hạn

thanh toán”¹. Như vậy, phá sản là một kết quả của một quá trình tố tụng do Tòa án nhân dân tiến hành. Theo quy định này, một doanh nghiệp bị xem là phá sản khi thỏa mãn 2 điều kiện:

Thứ nhất, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán theo đó mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp không thực hiện được các khoản nợ đến hạn trong phạm vi ba tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán”². Từ quy định trên, có thể hiểu mất khả năng thanh toán bao gồm: “doanh nghiệp không có tài sản để thanh toán hoặc có tài sản nhưng không thanh toán, có khoản nợ cụ thể, rõ ràng do các bên thừa nhận, thỏa thuận thông qua bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, phán quyết của trọng tài thương mại hoặc được xác định trong quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”³ và “các bên không có tranh chấp về khoản nợ này và khoản nợ đã đến hạn thanh toán”⁴.

Thứ hai, doanh nghiệp bị Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản. Như vậy, không phải doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nào cũng bị tuyên bố phá sản, việc doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán là điều kiện cần, cơ sở pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tại Điều 5 Luật Phá sản 2014 quy định về người có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản như sau: “ 1. Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán”⁵.

Bên cạnh đó, Luật Phá sản 2014 còn quy định nghĩa vụ nộp đơn của một số chủ thể khác như người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh... Như vậy, một doanh nghiệp khi đã mất khả năng thanh toán sẽ không bị nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là không có bởi người có quyền không nộp thì người có nghĩa vụ cũng vẫn phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Trong giai đoạn trước khi thụ lý, tức là giai đoạn xử lý đơn, Tòa án nhân dân phải trả lại đơn khi các bên thương lượng được việc rút đơn. Điểm d, Khoản 1 Điều 35 Luật Phá sản 2014 quy định: “Tòa án nhân dân quyết định trả lại đơn yêu cầu

mở thủ tục phá sản khi người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút đơn yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 của luật này”⁶. Kèm theo đó, nội dung quy định tại Điều 37 Luật Phá sản 2014 quy định về thương lượng như sau: “Trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có quyền đề nghị bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân để các bên thương lượng việc rút đơn”⁷. Nếu “Trường hợp các bên thoả thuận với nhau về việc rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Tòa án nhân dân trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản”⁸. Ngược lại: “Trường hợp thương lượng không thành hoặc hết thời hạn thương lượng mà các bên không tiến hành thương lượng thì Tòa án nhân dân thông báo cho người nộp đơn lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của Luật này”⁹.

Tác giả cho rằng, việc mở ra cơ hội cho các chủ thể thỏa thuận với nhau từ đó là cơ sở cho việc trả lại đơn của Tòa án là một quy định thể hiện tính nhân văn và thực tế đặc trong hoàn cảnh điều kiện kinh tế, xã hội luôn chịu sự tác động về mọi mặt của các yếu tố tiêu cực gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Vấn đề ở đây là việc thương lượng phải trong trường hợp nào? Điều kiện gì chứ không thể quy định cho phép thương lượng trong mọi trường hợp khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán trong pháp luật hiện hành.

3. Bất cập trong Luật Phá sản 2014 về việc rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản giữa chủ nợ và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán

Liên quan đến quy định về thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, tại Khoản 1 Điều 37 Luật Phá sản 2014 quy định: “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân nhận đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có quyền đề nghị bằng văn bản gửi đến Tòa án nhân dân để các bên thương lượng việc rút đơn”¹⁰ và “việc thương lượng của các bên không được trái với quy định của pháp luật về phá sản”¹¹. Như vậy, bằng quy định này, Luật Phá sản

2014 đã mở ra cho các chủ thể khả năng thương lượng để rút đơn, điều này đã tạo nên một sự mâu thuẫn nội tại trong các quy định của pháp luật về phá sản cụ thể như sau:

Khả năng thương lượng rút đơn chỉ có thể xảy ra khi rơi vào 2 trường hợp sau: (i) Doanh nghiệp tự từ bỏ quyền nộp đơn của mình và chủ động rút đơn; (ii) Các chủ nợ đồng ý lùi lờ hạn thanh toán các khoản nợ cho doanh nghiệp và chủ động rút đơn. Tuy nhiên, xem xét 2 trường hợp này, chúng ta thấy việc thương lượng rút đơn trong từng trường hợp đều phát sinh những vấn đề pháp lý nhất định:

Trường hợp thứ nhất, khi doanh nghiệp từ bỏ quyền nộp đơn, chủ động rút đơn thì những người có nghĩa vụ vẫn phải nộp đơn. Luật Phá sản 2014 quy định người có nghĩa vụ nộp đơn theo đó người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ sở hữu của doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, thành viên hợp danh của công ty hợp danh vẫn phải có nghĩa vụ nộp đơn khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán¹². Và để đảm bảo cho nghĩa vụ này, pháp luật quy định thêm “Những người theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Luật này không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật; trường hợp có thiệt hại phát sinh sau thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán do việc không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gây ra thì phải bồi thường”¹³. Mặc dù Luật Phá sản 2014 không quy định chế tài cụ thể khi những người có nghĩa vụ không thực hiện nộp đơn, tuy nhiên chúng ta có thể thấy rằng, người có nghĩa vụ vẫn phải thực hiện nộp đơn dù người quyền rút đơn. Như vậy, kết quả thương lượng rút đơn trong trường hợp thứ nhất không làm loại trừ nghĩa vụ nộp đơn của người có nghĩa vụ.

Trường hợp thứ hai, để thoát được nghĩa vụ nộp đơn ngay cả khi chủ nợ rút đơn, các bên chỉ có thể thương lượng về việc thay đổi (lùi) thời hạn trả nợ, điều này đồng nghĩa đây là thương lượng thay đổi thời điểm mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Mặc dù Luật Phá sản 2014 không quy định rõ những thương lượng nào là trái pháp luật, tuy nhiên, tác giả cho rằng, thỏa thuận

thay đổi thời điểm mất khả năng thanh toán đồng thời thay đổi thời điểm phát sinh nghĩa vụ nộp đơn trường hợp này là trái pháp luật bởi các căn cứ pháp lý cho việc xác định thời điểm mất khả năng thanh toán và phát sinh nghĩa vụ nộp đơn đã quá rõ ràng¹⁴.

Pháp luật hiện hành quy định về thời điểm mất khả năng thanh toán rồi lại mở ra cho chủ nợ và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán một khả năng có thể thương lượng về thời điểm mất khả năng thanh toán là không hợp lý. Tác giả cho rằng, việc quy định chủ thể có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo pháp luật hiện hành là phù hợp, tuy nhiên, chính vì quy định cứng nhắc thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ (thời điểm mất khả năng thanh toán) như hiện tại làm cho việc vận dụng các quy định về thương lượng trong quá trình giải quyết thủ tục phá sản trở nên khó khăn bởi người có quyền không nộp thì người có nghĩa vụ cũng phải nộp.

3. Một số giải pháp đề xuất

Với những phân tích trên và kế thừa quan điểm khoa học đã được công bố, tác giả đề xuất một số giải pháp pháp lý sau:

Thứ nhất, ngoài quy định về tình trạng mất khả năng thanh toán như pháp luật hiện hành, cần bổ sung quy định mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp trong trường hợp đặc biệt, làm cơ sở pháp lý mở ra cơ hội cho các bên thương lượng trong những trường hợp đặc biệt này. Đồng thời, giải thích rõ các tình huống đặc biệt, bất khả kháng, có tác động đe dọa sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có thể bao gồm: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố thậm chí là các hiệu ứng tiêu cực từ công nghệ, môi trường... Việc xác định trường hợp mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp trong các trường hợp trên có thể chuyển tải trong nội dung một điều khoản của Luật Phá sản 2014 hoặc có thể chỉ cần quy định về tinh thần chung và giao về cho cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết¹⁵.

Quy định này tạo nên một sự linh hoạt trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ nộp đơn và tạo cho các chủ thể cơ hội được thương lượng trong khuôn khổ pháp luật, và cũng từ đây, các bên có quyền thương lượng về việc rút đơn và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán không cần thực

hiện nghĩa vụ nộp đơn. Cần phải hiểu rằng, việc thương lượng này không phải là thương lượng thay đổi về thời điểm mất khả năng thanh toán mà đây là thương lượng trong trường hợp đặc biệt do pháp luật quy định.

Thứ hai, trên cơ sở này, cần sửa đổi Điều 37 Luật Phá sản theo tinh thần sau: “Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có quyền thỏa thuận về việc rút đơn trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật, trường hợp này, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán không cần phải thực hiện nghĩa vụ nộp đơn theo Điều 5 Luật Phá sản 2014. Mọi thỏa thuận thay đổi thời điểm mất khả năng thanh toán đều bị xem là trái pháp luật”¹⁶.

Quy định này, không chỉ tạo cơ hội cho các chủ thể thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật về việc rút đơn, xác định khả năng được phép thỏa thuận là khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán trong những trường hợp đặc biệt và tất nhiên khả năng này hoàn toàn phụ thuộc vào việc xem xét của các chủ nợ, như vậy, trường hợp này thì người có nghĩa vụ không buộc phải nộp đơn, bên cạnh đó, quy định

này còn đưa ra được nguyên tắc xác định đâu là những thương lượng trái pháp luật.

4. Kết luận

Bài viết phân tích một số các bất cập trong quy định về thương lượng rút đơn trong Luật Phá sản 2014, với tinh thần tôn trọng pháp luật, xây dựng Nhà nước Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa cũng như tạo sự linh hoạt, mở ra cơ hội tiếp tục hoạt động, kinh doanh của các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, tác giả cho rằng, việc quy định thêm trường hợp mất khả năng thanh toán trong trường hợp đặc biệt để mở ra cho các chủ thể cơ hội thương lượng trong khuôn khổ pháp luật là điều cần thiết.

Tác giả mong rằng, nội dung bài viết sẽ góp phần cho việc xem xét sửa đổi các quy định của pháp luật về phá sản đặt trong bối cảnh tình hình dịch bệnh do Virut Sars - Cov 2 tác động tiêu cực gây mất khả năng thanh toán của các doanh nghiệp là điều có thể nhận thấy. Pháp luật về phá sản đã đến lúc cần phải được sửa đổi, bổ sung để các quy định trở nên rõ ràng, đồng bộ hơn, phù hợp và hiệu quả hơn ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản 2014

²Khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản 2014

³Công văn 199/2020/TANDTC -PC

⁴Công văn 199/2020/TANDTC -PC

⁵Khoản 1 Điều 5 Luật Phá sản 2014

⁶Điều 35 Luật Phá sản 2014

⁷Khoản 1 Điều 37 Luật Phá sản 2014

⁸Khoản 2 điều 37 Luật Phá sản 2014

⁹Khoản 3 điều 37 Luật Phá sản 2014

¹⁰Khoản 1 điều 37 Luật Phá sản 2014.

¹¹Khoản 4 điều 37 Luật Phá sản 2014.

¹²Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 Luật Phá sản 2014.

¹³Khoản 5 điều 29 Luật Phá sản 2014.

¹⁴Khoản 4 điều 37 Luật Phá sản 2014.

¹⁵Chế Văn Trung, “Pháp luật phá sản: Một số bất cập và giải pháp góp phần hoàn thiện”, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng công nghệ*, Số 16 tháng 7/2020, Tr. 3.

¹⁶Bãi bỏ các quy định hiện hành tại Điều 37 Luật Phá sản 2014 và thay vào nội dung này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2014). *Luật số 51/2014/QH13: Luật Phá sản, ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2014.*
2. Quốc hội (2004). *Luật số 21/2004/QH11: Luật Phá sản, ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2014.*
3. Tòa án nhân dân tối cao (2020). *Công văn số 199/TANDTC-PC V/v thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong giải quyết phá sản, ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2020.*
4. Chính phủ (2015). *Nghị định số 22/2015/NĐ-CP V/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, ban hành ngày 16 tháng 2 năm 2015.*
4. Chế Văn Trung (2020), Pháp luật phá sản: Một số bất cập và giải pháp góp phần hoàn thiện, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, 16, 22-26.

Ngày nhận bài: 2/4/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/5/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/5/2021

Thông tin tác giả:

TS. NGUYỄN THỊ TÂM

Phó Trưởng Bộ môn Luật Thương mại, Khoa Luật

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

**THE NEGOTIATION BETWEEN THE CREDITOR
AND THE ENTERPRISE ON WITHDRAWING THE PETITION
TO START BANKRUPTCY PROCEEDINGS:
INADEQUACIES AND SOLUTIONS**

● **Ph.D NGUYEN THI TAM**

Deputy Head, Department of Commercial Law
Faculty of Law, Ho Chi Minh City Open University

ABSTRACT:

This paper analyzes some inadequacies in the rights of creditors and insolvent enterprises to withdraw petitions to start bankruptcy proceedings under Vietnam's Law on Bankruptcy in 2014. Based on the paper's findings, some solutions are proposed to complete Vietnam's legal bankruptcy procedures and the negotiation between the creditor and the enterprise on withdrawing the petition to start bankruptcy proceedings.

Keywords: the 2014 Law on Bankruptcy, solvency.